

THÔNG TƯ

LIÊN TỊCH CỦA TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO, VIỆN KIỂM SÁT
NHÂN DÂN TỐI CAO, BỘ CÔNG AN, BỘ T- PHÁP
SỐ 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP
NGÀY 25 THÁNG 12 NĂM 2001 VỀ VIỆC H- ỚNG DẪN ÁP DỤNG
MỘT SỐ QUY ĐỊNH TẠI CH- ONG XIV "CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU"
CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999

Để áp dụng đúng và thống nhất các quy định tại Ch-ong XIV "Các tội xâm phạm sở hữu" của Bộ luật hình sự năm 1999 (sau đây viết tắt là BLHS), Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ T- pháp thống nhất h-ớng dẫn một số điểm nh- sau:

I. VỀ MỘT SỐ TÌNH TIẾT LÀ YẾU TỐ ĐỊNH TỘI HOẶC ĐỊNH KHUNG HÌNH PHẠT

1. Khi áp dụng tình tiết "đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt" quy định tại khoản 1 của các điều 137, 138, 139 và 140 BLHS cần chú ý:

1.1. Bị coi là "đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt", nếu tr-ợc đó đã bị xử lý bằng một trong các hình thức sau đây về hành vi chiếm đoạt, nh- ng ch- a hết thời hạn để đ-ợc coi là ch- a bị xử lý mà lại thực hiện một trong các hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản, trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo đúng quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính;

b) Đã bị xử lý kỷ luật theo đúng quy định của Điều lệnh, Điều lệ của lực l-ợng vũ trang nhân dân;

c) Đã bị xử lý kỷ luật theo đúng quy định của cơ quan có thẩm quyền (Ví dụ 1: Một sinh viên trộm cắp của bạn 150.000 đồng và bị phát hiện. Hội đồng kỷ luật của Nhà tr-ờng đã xét và ng-ời có thẩm quyền đã ra quyết định cảnh cáo toàn tr-ờng hoặc đuổi học. Ví dụ 2: Một cán bộ (công chức) trộm cắp tài sản của cơ quan và bị phát hiện. Hội đồng kỷ luật của cơ quan đã xét và ng-ời có thẩm quyền đã ra quyết định kỷ luật hạ một bậc l-ợng theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức...).

1.2. Hết thời hạn để đ-ợc coi là ch- a bị xử lý là hết thời hạn do pháp luật, Điều lệnh hoặc Điều lệ quy định (Theo quy định tại Điều 10 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, trong tr-ờng hợp "cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu quá một năm, kể từ ngày thi hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết hiệu lực thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm, thì đ-ợc coi nh- ch- a bị xử phạt vi phạm hành chính"). Đối với các tr-ờng hợp bị xử lý mà ch- a có quy định về thời hạn để hết thời hạn đó, ng-ời bị xử lý đ-ợc coi là ch- a bị xử lý, thì thời hạn đó là một năm, kể từ ngày bị xử lý.

1.3. Bị coi là "đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt" nếu tr-ớc đó đã bị xử phạt hành chính về một trong các hành vi sau đây:

- a) Hành vi c-ớp tài sản;
- b) Hành vi bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản;
- c) Hành vi c-ỡng đoạt tài sản;
- d) Hành vi c-ớp giật tài sản;
- đ) Hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản;
- e) Hành vi trộm cắp tài sản;
- g) Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; .
- h) Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản;
- i) Hành vi tham ô tài sản;
- k) Hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

2. Bị coi là "đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản" nếu tr-ớc đó đã bị kết án về một trong các tội sau đây:

- a) Tội c-ớp tài sản (Điều 133 BLHS);
- b) Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134 BLHS);
- c) Tội c-ỡng đoạt tài sản (Điều 135 BLHS);
- d) Tội c-ớp giật tài sản (Điều 136 BLHS);
- đ) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 137 BLHS);
- e) Tội trộm cắp tài sản (Điều 138 BLHS);
- g) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139 BLHS);
- h) Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140 BLHS);
- i) Tội tham ô tài sản (Điều 278 BLHS);
- k) Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 280 BLHS);

Đối với các tr-ờng hợp bị kết án nh-ng ch-a đ-ợc xoá án về một trong các tội phạm khác có tính chất chiếm đoạt tài sản (nh- tội chiếm đoạt vật liệu nổ (Điều 232 BLHS); tội chiếm đoạt vũ khí thô sơ hoặc công cụ hỗ trợ (Điều 233 BLHS)...) có bị coi là tình tiết định tội hay không sẽ đ-ợc h-ớng dẫn sau.

3. Khi áp dụng các tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng", "gây hậu quả rất nghiêm trọng", "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng" (từ Điều 133 đến Điều 140, Điều 142 và Điều 143 BLHS) cần chú ý:

3.1. Hậu quả phải do hành vi phạm tội gây ra (có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội và hậu quả). Hậu quả đó có thể là thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ, tài sản hoặc hậu quả phi vật chất (gây ảnh h-ởng xấu đến việc thực hiện đ-ờng lối của Đảng, chính sách của Nhà n-ớc; gây ảnh h-ởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội).

3.2. Đối với các tội quy định tại các điều 133, 134 và 136 thì thiệt hại về sức khoẻ, tính mạng đã đ-ợc quy định thành tình tiết định khung riêng biệt, cho nên

không xem xét các thiệt hại này một lần nữa để đánh giá hậu quả do hành vi phạm tội gây ra đ-ợc h-ớng dẫn tại tiểu mục 3.4 Mục 3 này.

3.3. Đối với các tội có quy định giá trị tài sản bị chiếm đoạt, giá trị tài sản bị sử dụng trái phép, giá trị tài sản bị huỷ hoại hoặc bị làm h- hỏng, thì việc xác định hậu quả thiệt hại về tài sản không phải căn cứ vào giá trị tài sản bị chiếm đoạt, giá trị tài sản bị sử dụng trái phép, giá trị tài sản bị huỷ hoại hoặc bị làm h- hỏng, vì giá trị tài sản này đã đ-ợc quy định thành tình tiết định khung riêng biệt. Hậu quả phải là thiệt hại về tài sản xảy ra ngoài giá trị tài sản bị chiếm đoạt, giá trị tài sản bị sử dụng trái phép, giá trị tài sản bị huỷ hoại hoặc bị h- hỏng.

Ví dụ: A trộm cắp một lô thuốc chữa bệnh cho gia súc trị giá 40 triệu đồng. Do thuốc chữa bệnh cho gia súc bị trộm cắp nên không có thuốc để kịp thời chữa bệnh, dẫn đến đàn gia súc trị giá 100 triệu đồng bị chết. Trong tr-ờng hợp này giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 40 triệu đồng và hậu quả thiệt hại về tài sản là 100 triệu đồng.

3.4. Để xem xét trong tr-ờng hợp nào hành vi phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, trong tr-ờng hợp nào hành vi phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng và trong tr-ờng hợp nào hành vi phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng về nguyên tắc chung phải đánh giá một cách toàn diện, đầy đủ các hậu quả (thiệt hại về tài sản, thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ và các thiệt hại phi vật chất).

Nếu gây thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ, tài sản thì đ-ợc xác định nh- sau:

a) Nếu thuộc một trong các tr-ờng hợp sau đây là gây hậu quả nghiêm trọng:

a.1) Làm chết một ng-ời;

a.2) Gây th-ơng tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của một đến hai ng-ời với tỷ lệ th-ơng tật của mỗi ng-ời từ 61% trở lên;

a.3) Gây th-ơng tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của ba đến bốn ng-ời với tỷ lệ th-ơng tật của mỗi ng-ời từ 31% đến 60%;

a.4) Gây th-ơng tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của nhiều ng-ời với tổng tỷ lệ th-ơng tật của tất cả những ng-ời này từ 61% đến 100%, nếu không thuộc các tr-ờng hợp đ-ợc h-ớng dẫn tại các điểm a.2 và a.3 trên đây;

a.5) Gây th-ơng tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của nhiều ng-ời với tổng tỷ lệ th-ơng tật từ 31 % đến 60% và còn gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 30 triệu đồng đến d-ới 50 triệu đồng;

a.6) Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng đến d-ới 500 triệu đồng.

b) Nếu thuộc một trong các tr-ờng hợp sau đây là gây hậu quả rất nghiêm trọng:

b.1) Làm chết hai ng-ời;

b.2) Gây th-ơng tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của ba đến bốn ng-ời với tỷ lệ th-ơng tật của mỗi ng-ời từ 61 % trở lên;

b.3) Gây th-ơng tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của năm đến bảy ng-ời với tỷ lệ th-ơng tật của mỗi ng-ời từ 31% đến 60%;

b.4) Gây th-ơng tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của nhiều ng-ời với tổng tỷ lệ th-ơng tật của tất cả những ng-ời này từ 101% đến 200%, nếu không thuộc một trong các tr-ờng hợp đ-ợc h-ớng dẫn tại các điểm b.2 và b.3 trên đây;

b.5) Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới một tỷ năm trăm triệu đồng;

b.6) Gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản mà hậu quả thuộc hai đến ba điểm từ điểm a.1 đến điểm a.6 tiểu mục 3.4 này.

c) Nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây là gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng:

c.1) Làm chết ba người trở lên;

c.2) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của năm người trở lên với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 61% trở lên;

c.3) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của tám người trở lên với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60% ;

c.4) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 201% trở lên, nếu không thuộc một trong các trường hợp được hướng dẫn tại các điểm c.2 và c.3 trên đây;

c.5) Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ một tỷ năm trăm triệu đồng trở lên;

c.6) Gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản mà hậu quả thuộc bốn điểm trở lên từ điểm a.1 đến điểm a.6 tiểu mục 3.4 này;

c.7) Gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản mà hậu quả thuộc hai điểm trở lên từ điểm b.1 đến điểm b.6 tiểu mục 3.4 này.

Ngoài các thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản, thì thực tiễn cho thấy có thể còn có hậu quả phi vật chất, như ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, gây ảnh hưởng về an ninh, trật tự, an toàn xã hội... Trong các trường hợp này phải tùy vào từng trường hợp cụ thể để đánh giá mức độ của hậu quả do tội phạm gây ra là nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

4. Trong trường hợp tài sản bị chiếm đoạt dưới 500 nghìn đồng (Điều 137, Điều 138, Điều 139 BLHS) hoặc dưới một triệu đồng (Điều 140 BLHS), cũng như trong trường hợp tài sản bị huỷ hoại hoặc bị làm hỏng có giá trị dưới 500 nghìn đồng (Điều 143 BLHS) nếu gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì cũng chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 của điều luật tương ứng, nếu không có tình tiết định khung hình phạt khác.

5. Về tình tiết "sử dụng thủ đoạn nguy hiểm khác" hoặc "dùng thủ đoạn nguy hiểm".

5.1. "Thủ đoạn nguy hiểm khác" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS là ngoài các trường hợp sử dụng vũ khí, phương tiện nguy hiểm để thực hiện việc cướp tài sản, người phạm tội có thể dùng thủ đoạn khác nguy hiểm đối với người bị tấn công hoặc những người khác như sử dụng thuốc ngủ, thuốc mê với liều lượng có thể nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của nạn nhân; đầu độc nạn nhân; nhốt nạn nhân vào nơi nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe; dùng dây chằng qua đường để làm cho nạn nhân đi mô tô, xe máy vấp ngã để cướp tài sản...

5.2. "Thủ đoạn nguy hiểm khác" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 BLHS là ngoài các trường hợp sử dụng vũ khí, phương tiện nguy hiểm để thực hiện việc bắt cóc người khác làm con tin nhằm chiếm đoạt tài sản, người phạm tội có thể dùng thủ đoạn

khác nguy hiểm đối với ng-ời bị bắt làm con tin hoặc những ng-ời khác nh- sử dụng thuốc ngủ, thuốc mê với liều l-ợng có thể nguy hiểm đến tính mạng, sức khoẻ của nạn nhân hoặc đầu độc ng-ời bị bắt làm con tin để việc thực hiện bắt cóc đ-ợc dễ dàng; nhất ng-ời bị bắt làm con tin vào nơi nguy hiểm đến tính mạng, sức khoẻ..., cũng có thể đầu độc những ng-ời khác để họ không thể cản trở đ-ợc việc bắt làm con tin...

5.3. "Dùng thủ đoạn nguy hiểm" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS là dùng thủ đoạn để c-ớp giạt tài sản mà nguy hiểm đến tính mạng, sức khoẻ của ng-ời bị hại hoặc của ng-ời khác nh- dùng xe mô tô, xe máy để thực hiện việc c-ớp giạt tài sản; c-ớp giạt của ng-ời đang đi mô tô, xe máy... Cần chú ý là trong tr-ờng hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm để c-ớp giạt tài sản mà gây ra hậu quả nghiêm trọng, thì phải áp dụng cả hai tình tiết định khung hình phạt quy định tại các điểm d và h khoản 2 Điều 136 BLHS.

6. Khi áp dụng tình tiết "hành hung để tẩu thoát" (điểm đ khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 2 Điều 137; điểm đ khoản 2 Điều 138 BLHS) cần chú ý:

6.1. Phạm tội thuộc tr-ờng hợp "hành hung để tẩu thoát" là tr-ờng hợp mà ng-ời phạm tội ch- a chiếm đoạt đ-ợc tài sản hoặc đã chiếm đoạt đ-ợc tài sản, nh- ng bị phát hiện và bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ thì đã có những hành vi chống trả lại ng-ời bắt giữ hoặc ng-ời bao vây bắt giữ nh- đánh, chém, bắn, xô ngã... nhằm tẩu thoát.

6.2. Nếu ng-ời phạm tội ch- a chiếm đoạt đ-ợc tài sản hoặc đã chiếm đoạt đ-ợc tài sản, nh- ng đã bị ng-ời bị hại hoặc ng-ời khác giành lại, mà ng-ời phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công ng-ời bị hại hoặc ng-ời khác nhằm chiếm đoạt cho đ-ợc tài sản, thì tr-ờng hợp này không phải là "hành hung để tẩu thoát" mà đã có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội c-ớp tài sản.

II. VỀ VIỆC XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN BỊ CHIẾM ĐOẠT, BỊ CHIẾM GIỮ TRÁI PHÉP, BỊ SỬ DỤNG TRÁI PHÉP, BỊ HUỖ HOẠI HOẶC BỊ LÀM H- HỎNG

Đối với các hành vi xâm phạm sở hữu nói chung việc xác định đúng giá trị tài sản bị chiếm đoạt, bị chiếm giữ trái phép, bị sử dụng trái phép, bị huỷ hoại hoặc bị làm h- hỏng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xác định tr-ờng hợp nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tr-ờng hợp nào ch- a đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, cũng nh- việc áp dụng đúng khung hình phạt; do đó, cần chú ý một số điểm sau đây trong việc xác định giá trị tài sản đối với các tội xâm phạm sở hữu:

1. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt, bị chiếm giữ trái phép, bị sử dụng trái phép, bị huỷ hoại hoặc bị làm h- hỏng đ-ợc xác định theo giá thị tr-ờng của tài sản đó tại địa ph-ơng vào thời điểm tài sản bị chiếm đoạt, bị chiếm giữ trái phép, bị sử dụng trái phép, bị huỷ hoại hoặc bị làm h- hỏng.

2. Trong tr-ờng hợp có đầy đủ căn cứ chứng minh rằng ng-ời có hành vi xâm phạm sở hữu có ý định xâm phạm đến tài sản có giá trị cụ thể theo ý thức chủ quan của họ, thì lấy giá trị tài sản đó để xem xét việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ng-ời có hành vi xâm phạm.

Ví dụ 1: A thấy một người vừa nhận ở kho bạc 100 triệu đồng bỏ vào một chiếc túi xách để trên ghế xe máy nên có ý định cướp giật 100 triệu đồng này. A lấy xe máy đi theo người vừa nhận tiền và đã cướp giật được chiếc túi xách này, nhưng trong chiếc túi xách này chỉ còn có 200 nghìn đồng, bởi vì 100 triệu đồng người nhận tiền đã bỏ vào cốp xe máy. Trong trường hợp này phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với A theo các điểm d và g khoản 2 Điều 136 BLHS.

Ví dụ 2: B thấy C đeo một chiếc nhẫn màu vàng. Qua các nguồn tin B thông đây là nhẫn bằng vàng 9,999, có trọng lượng 2 chỉ, nên đã dùng thủ đoạn gian dối và đã chiếm đoạt được chiếc nhẫn này. Trong trường hợp này phải lấy trị giá của một chiếc nhẫn bằng vàng 9,999 với trọng lượng 2 chỉ theo thời giá tại địa phương vào thời điểm chiếm đoạt để xem xét việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Trong trường hợp có đầy đủ căn cứ chứng minh rằng người có hành vi xâm phạm sở hữu có ý định xâm phạm đến tài sản, nhưng không quan tâm đến giá trị tài sản bị xâm phạm (trị giá bao nhiêu cũng được), thì lấy giá thị trường của tài sản bị xâm phạm tại địa phương vào thời điểm tài sản bị xâm phạm để xem xét việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi xâm phạm.

Ví dụ: M thấy một chiếc xe máy dựng trên cửa của một gia đình nên đã vào lấy trộm không quan tâm đó là xe Trung Quốc hay xe Nhật Bản. Trong trường hợp này nếu là xe Trung Quốc thì xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo giá trị xe Trung Quốc; nếu là xe Nhật Bản thì xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo giá trị xe Nhật Bản.

4. Để xác định đúng giá trị tài sản bị xâm phạm trong trường hợp tài sản bị xâm phạm không còn nữa, cơ quan điều tra cần lấy lời khai của những người biết về tài sản này để xác định đó là tài sản gì; nhãn, mác của tài sản đó như thế nào; giá trị tài sản đó theo thời giá thực tế tại địa phương vào thời điểm tài sản bị xâm phạm là bao nhiêu; tài sản đó còn khoảng bao nhiêu phần trăm... để trên cơ sở đó có kết luận cuối cùng về giá trị tài sản bị xâm phạm.

5. Trong trường hợp một người thực hiện nhiều lần cùng loại hành vi xâm phạm sở hữu, nhưng mỗi lần giá trị tài sản bị xâm phạm dưới mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS và không thuộc một trong các trường hợp khác để truy cứu trách nhiệm hình sự (gây hậu quả nghiêm trọng; đã bị xử phạt hành chính; đã bị kết án nhưng chưa được xoá án tích...), đồng thời trong các hành vi xâm phạm đó chưa có lần nào bị xử phạt hành chính và chưa hết thời hiệu xử phạt hành chính, nếu tổng giá trị tài sản của các lần bị xâm phạm bằng hoặc trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS, thì người thực hiện nhiều lần cùng loại hành vi xâm phạm sở hữu phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm tương ứng theo tổng giá trị tài sản của các lần bị xâm phạm, nếu:

a) Các hành vi xâm phạm sở hữu được thực hiện một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian.

Ví dụ: Tối ngày 12/11/2001 Nguyễn Văn A mang theo một bao tải với mục đích đi trộm cắp tài sản. Lần thứ nhất A vào một gia đình và lấy được 1 chiếc đài cát sét trị giá 200 ngàn đồng bỏ vào bao tải đem giấu ở một bụi cây. Lần thứ hai A vào một gia đình khác lấy được một bộ quần áo trị giá 250 ngàn đồng và bỏ tiếp vào bao tải. Khi đi ngang qua thấy một chiếc xe đạp trị giá 300 ngàn đồng dựng ở sân của một gia đình khác, A phá khoá và dắt xe đạp ra bỏ bao tải tài sản vừa trộm cắp được lên xe

đạp. Khi A đạp xe đi đ-ợc một đoạn thì bị phát hiện và bị bắt giữ. Trong tr-ờng hợp này tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 750 ngàn đồng; do đó, A phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

b) Việc thực hiện các hành vi xâm phạm sở hữu có tính chất chuyên nghiệp, lấy tài sản do việc xâm phạm sở hữu mà có làm nguồn sống chính.

Ví dụ: Nguyễn Văn B không có nghề nghiệp bỏ nhà đi lang thang với mục đích trộm cắp tài sản. Ngày 15-3-2001 B trộm cắp đ-ợc một chiếc xe đạp trị giá 300 ngàn đồng đem bán lấy tiền tiêu xài. Ngày 16-4-2001 B ra bến xe và móc túi đ-ợc 150 ngàn đồng. Ngày 17-5-2001, B phá khoá cửa của một gia đình vào trộm cắp đ-ợc một số tài sản trị giá 200 ngàn đồng và bị bắt giữ. Trong tr-ờng hợp này tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 650 ngàn đồng; do đó, B phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

c) Với mục đích xâm phạm sở hữu, nh-ng do điều kiện hoàn cảnh khách quan nên việc xâm phạm sở hữu phải đ-ợc thực hiện nhiều lần cho nên giá trị tài sản bị xâm phạm mỗi lần d-ới 500 ngàn đồng.

Ví dụ: Thấy trong kho X của Nhà máy Z có rất nhiều tài sản, nh-ng sợ bảo vệ phát hiện, nên lợi dụng những lúc sơ hở, M vào kho trộm cắp tài sản và giấu vào ng-ời. Mỗi lần trộm cắp giá trị tài sản bị chiếm đoạt từ 100 ngàn đến 150 ngàn đồng. M thực hiện đến lần thứ 6 thì bị phát hiện và bị bắt giữ.

Trong tr-ờng hợp này tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 700 ngàn đồng; do đó, M phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Cần chú ý là trong các tr-ờng hợp trên đây nếu chỉ căn cứ vào các hành vi xâm phạm cùng loại này thì không áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" (điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS) và cũng không áp dụng tình tiết định khung hình phạt "có tính chất chuyên nghiệp" quy định tại khoản 2 của điều luật t-ơng ứng quy định về tội phạm t-ơng ứng đó. Trong tr-ờng hợp có tình tiết khác định khung hình phạt thì áp dụng khoản t-ơng ứng của điều luật t-ơng ứng có quy định tình tiết định khung hình phạt đó.

III. VỀ VIỆC TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG MỘT SỐ TR-ỜNG HỢP CỤ THỂ

Trong tr-ờng hợp một ng-ời thực hiện nhiều hành vi phạm tội cùng loại (đều là trộm cắp tài sản; đều là lừa đảo chiếm đoạt tài sản...) nh-ng tài sản bị xâm phạm là tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản của công dân, thì việc truy cứu trách nhiệm hình sự đ-ợc thực hiện nh- sau:

1. Nếu tất cả các hành vi phạm tội này đều đ-ợc thực hiện từ ngày 1-7-2000 trở đi, thì ng-ời phạm tội phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm t-ơng ứng theo quy định của BLHS.

Ví dụ: Ngày 5-7-2000, A trộm cắp tài sản của B trị giá 10 triệu đồng.

Ngày 15-8-2000, A trộm cắp tài sản của Sở X trị giá 20 triệu đồng. Trong tr-ờng hợp này nếu căn cứ vào giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 30 triệu đồng, thì A phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 138 BLHS. Nếu tổng giá trị tài sản

bị chiếm đoạt là từ 50 triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng hoặc tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt vẫn là 30 triệu đồng, nhưng có một trong những tình tiết khác định khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 138 BLHS, thì A phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 138 BLHS.

2. Nếu trong các hành vi phạm tội này, có hành vi phạm tội được thực hiện trước ngày 1-7-2000, có hành vi phạm tội được thực hiện từ ngày 1-7-2000 trở đi, thì người phạm tội phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm tương ứng theo quy định của BLHS. Tuy nhiên, khi xét xử các Tòa án cần xem xét đến quy định của Bộ luật hình sự năm 1985 (sau đây viết tắt là BLHS 1985) về tội phạm tương ứng để nếu theo quy định của Điều 7 BLHS mà BLHS 1985 có quy định khác có lợi hơn cho người phạm tội thì áp dụng tinh thần quy định đó khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội.

3. Nếu tất cả các hành vi phạm tội này đều được thực hiện trước ngày 1-7-2000, thì việc truy cứu trách nhiệm hình sự được thực hiện như sau:

3.1. Theo khoản 1 của điều luật tương ứng của BLHS, nếu tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt thuộc khoản 1 của điều luật tương ứng của BLHS quy định về tội xâm phạm sở hữu và theo BLHS 1985 thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 của điều luật tương ứng quy định về tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa và theo khoản 1 của điều luật tương ứng quy định về tội xâm phạm sở hữu của công dân.

Ví dụ: Tháng 6-1999 Q phạm tội trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa trị giá 5 triệu đồng thuộc khoản 1 Điều 132 BLHS 1985. Tháng 10-1999 Q phạm tội trộm cắp tài sản của công dân trị giá 10 triệu đồng thuộc khoản 1 Điều 155 BLHS 1985. Trong trường hợp này tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 15 triệu đồng thuộc khoản 1 Điều 138 BLHS; do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS, thì chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Q về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

3.2. Theo khoản 1 của điều luật tương ứng quy định về tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa và theo khoản 1 của điều luật tương ứng quy định về tội xâm phạm sở hữu của công dân của BLHS 1985, nếu tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt thuộc khoản 2 của điều luật tương ứng của BLHS quy định về tội xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với từng tội cần chú ý để khi tổng hợp hình phạt thì hình phạt chung không được vượt quá mức cao nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 của Điều luật tương ứng của BLHS quy định về tội xâm phạm sở hữu. .

Ví dụ: Tháng 10-1999 C phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa trị giá 40 triệu đồng thuộc khoản 1 Điều 134 BLHS 1985. Tháng 2-2000, C phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân trị giá 40 triệu đồng thuộc khoản 1 Điều 157 BLHS 1985. Trong trường hợp này tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 80 triệu đồng thuộc điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS; do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 7 BLHS, thì vẫn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với C theo khoản 1 Điều 134 và theo khoản 1 Điều 157 BLHS 1985 .

3.3. Theo khoản 2 của điều luật tương ứng của BLHS, nếu tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt thuộc khoản 2 của điều luật tương ứng của BLHS quy định về tội xâm phạm sở hữu và theo BLHS 1985 thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 của điều luật tương ứng quy định về tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa và theo khoản 2 của điều luật tương ứng quy định về tội xâm phạm sở hữu của công dân.

Ví dụ: Tháng 5-1999 H phạm tội trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa trị giá 80 triệu đồng thuộc khoản 2 Điều 132 BLHS 1985. Tháng 8-1999 H lại phạm tội trộm cắp tài sản của công dân trị giá 100 triệu đồng thuộc khoản 2 Điều 155 BLHS 1985. Trong tr- ờng hợp này tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 180 triệu đồng thuộc khoản 2 Điều 138 BLHS; do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS, thì chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H về tội trộm cắp tài sản theo khoản 2 Điều 138 BLHS.

3.4. Theo khoản 2 của điều luật t- ơng ứng quy định về tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa và theo khoản 2 của điều luật t- ơng ứng quy định về tội xâm phạm sở hữu của công dân của BLHS 1985, nếu tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt thuộc khoản 3 của điều luật t- ơng ứng của BLHS quy định về tội xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với từng tội, cần chú ý để khi tổng hợp hình phạt thì hình phạt chung không v- ợt quá mức cao nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 3 của điều luật t- ơng ứng của BLHS quy định về tội xâm phạm sở hữu.

Ví dụ: Tháng 3-1999, T phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa trị giá 120 triệu đồng thuộc khoản 2 Điều 134 BLHS 1985. Tháng 7-1999, T lại phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân trị giá 100 triệu đồng thuộc khoản 2 Điều 157 BLHS 1985. Trong tr- ờng hợp này, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 220 triệu đồng thuộc điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS; do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 7 BLHS, thì vẫn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T theo khoản 2 Điều 134 và theo khoản 2 Điều 157 BLHS 1985.

3.5. Theo khoản 2 của điều luật t- ơng ứng của BLHS, nếu tính tổng giá trị tài sản chiếm đoạt thuộc khoản 2 của điều luật t- ơng ứng của BLHS quy định về tội xâm phạm sở hữu và theo BLHS 1985 thì ng- ời phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 của điều luật t- ơng ứng quy định về tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa và theo khoản 2 của điều luật t- ơng ứng quy định về tội xâm phạm sở hữu của công dân hoặc ng- ọc lại.

Ví dụ : Tháng 1-1999, D trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa trị giá 10 triệu đồng thuộc khoản 1 Điều 132 BLHS 1985. Tháng 9-1999, D lại trộm cắp tài sản của công dân trị giá 90 triệu đồng thuộc khoản 2 Điều 155 BLHS 1985. Trong tr- ờng hợp này tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 100 triệu đồng thuộc điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS; do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS, thì chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với D về tội trộm cắp tài sản theo khoản 2 Điều 138 BLHS.

3.6. Theo khoản 1 của điều luật t- ơng ứng quy định về tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa và theo khoản 2 của điều luật t- ơng ứng quy định về tội xâm phạm sở hữu của công dân của BLHS 1985 (hoặc ng- ọc lại) nếu tổng giá trị tài sản chiếm đoạt thuộc khoản 3 của điều luật t- ơng ứng của BLHS quy định về tội xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với từng tội, cần chú ý để khi tổng hợp hình phạt thì hình phạt chung không v- ợt quá mức cao nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 3 của điều luật t- ơng ứng của BLHS quy định về tội xâm phạm sở hữu.

Ví dụ : Tháng 12- 1998 V phạm tội trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa trị giá 30 triệu đồng thuộc khoản 1 Điều 132 BLHS 1985. Tháng 3-1999 V lại phạm tội trộm cắp tài sản của công dân trị giá 220 triệu đồng. Trong tr- ờng hợp này tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 250 triệu đồng thuộc điểm a khoản 3 Điều 138 BLHS; do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 7 BLHS thì vẫn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với V theo khoản 1 Điều 132 và khoản 2 Điều 155 BLHS 1985.

3.7. Theo khoản 4 của điều luật t-ong ứng của BLHS quy định về tội xâm phạm sở hữu trong tr-ờng hợp các hành vi phạm tội theo quy định của BLHS 1985 thì ng-ời phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 và khoản 3 hoặc khoản 1 và khoản 3 của hai điều luật t-ong ứng quy định về tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa và tội xâm phạm sở hữu của công dân, nếu không thuộc tr-ờng hợp đ-ợc h-ớng dẫn tại tiểu mục 3.8 Mục 3 này.

Trong tr-ờng hợp này khi quyết định hình phạt cần chú ý:

a) Chỉ xử phạt ng-ời phạm tội mức án tù có thời hạn nếu truy cứu trách nhiệm hình sự về hai tội của hai điều luật t-ong ứng quy định về tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa và tội xâm phạm sở hữu của công dân, thì theo giá trị tài sản bị chiếm đoạt chỉ có thể xử phạt ng-ời phạm tội mức án cao nhất là tù có thời hạn, nh-ng nếu truy cứu trách nhiệm hình sự về tội xâm phạm sở hữu theo khoản 4 của điều luật t-ong ứng của BLHS, thì theo tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt phải xử phạt ng-ời phạm tội mức án tù chung thân.

b) Chỉ xử phạt ng-ời phạm tội mức án tù chung thân nếu truy cứu trách nhiệm hình sự về hai tội của hai điều luật t-ong ứng quy định về tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa và tội xâm phạm sở hữu của công dân, thì theo giá trị tài sản bị chiếm đoạt chỉ có thể xử phạt ng-ời phạm tội mức án cao nhất là tù chung thân, nh-ng nếu truy cứu trách nhiệm hình sự về tội xâm phạm sở hữu theo khoản 4 của điều luật t-ong ứng của BLHS, thì theo tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt phải xử phạt ng-ời phạm tội mức án tử hình.

3.8. Tr-ờng hợp các hành vi phạm tội mà theo quy định của BLHS 1985 thì ng-ời phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 và khoản 3 hoặc khoản 1 và khoản 3 của hai điều luật t-ong ứng quy định về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa và tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa, thì việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ng-ời phạm tội đ-ợc thực hiện t-ong tự nh- h-ớng dẫn tại các tiểu mục 3.5 và 3.6 Mục 3 này.

IV. HIỆU LỰC THI HÀNH CỦA THÔNG T-

1. Thông t- này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2002 và thay thế các văn bản tr-ớc đây của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an h-ớng dẫn thi hành các quy định của BLHS 1985 về các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa và xâm phạm sở hữu của công dân.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có gì v-ớng mắc hoặc ch-a đ-ợc h-ớng dẫn, cần phải giải thích hoặc h-ớng dẫn bổ sung, thì đề nghị phản ánh cho Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ T- pháp, Bộ Công an để có sự giải thích hoặc h-ớng dẫn bổ sung kịp thời.